

Bản án số: 81 /2022/DS-ST

Ngày 12 - 7 -2022

V/v”Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**TOÀ ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ ĐIỆN BÀN - TỈNH QUẢNG NAM**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà:* Bà Trịnh Thị Thúy Vân.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

Ông Nguyễn Văn Tươi;

Ông Nguyễn Lương Thành.

**- Thư ký phiên toà:** Ông Nguyễn Quốc Tuấn Huy – Thư ký Toà án nhân dân thị xã Điện Bàn, tỉnh Quảng Nam.

Ngày 12 tháng 7 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Điện Bàn, tỉnh Quảng Nam xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 44/2022/TLST-DS ngày 20 tháng 4 năm 2022 về tranh chấp hợp đồng vay tài sản, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 39/2022/QĐXXST-DS ngày 27 tháng 6 năm 2022, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Công ty T. Địa chỉ: số X Đoàn Văn Bơ, phường 13, quận 4, thành phố Hồ Chí Minh. Người đại diện theo pháp luật: Ông Lô Bằng G – Chức vụ: Chủ tịch hội đồng thành viên. Người đại diện theo ủy quyền: Ông Đàm Thanh T; Sinh năm 1996. Địa chỉ: Số T, phường Hòa Cường Nam, quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng. (có mặt)

Bị đơn: Ông Nguyễn Phú H; Sinh năm 1986. Địa chỉ: Thôn Nhị Dinh 1, xã Điện Phước, thị xã Điện Bàn, tỉnh Quảng Nam. (có mặt)

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Trong đơn khởi kiện ngày 20/4/2022 của Công ty T và quá trình giải quyết vụ án ông Đàm Thanh T là người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:*

Vào ngày 24/4/2019, ông Nguyễn Phú H có ký hợp đồng tín dụng số 220190424-0004792 với Công ty T vay số tiền 63.300.000 đồng (Sáu mươi ba triệu ba trăm nghìn đồng) với lãi suất thỏa thuận 3,92%/tháng để tiêu dùng cá nhân. Theo thỏa thuận hợp đồng, ông Nguyễn Phú H có trách nhiệm thanh toán số tiền 121.002.222 đồng (gồm cả gốc và lãi), trả chậm liên tiếp trong vòng 36 tháng; 35 tháng đầu, mỗi tháng trả 3.310.000 đồng, tháng cuối cùng trả 5.152.222 đồng, thanh toán vào ngày 01 hàng tháng, bắt đầu từ ngày 01/06/2019. Thực hiện hợp đồng, ông Nguyễn Phú H đã nhận đủ số tiền để tiêu dùng cá nhân và tính đến ngày 02/06/2020,

ông Nguyễn Phú H đã thanh toán cho Công ty T 09 lần với tổng số tiền là 27.574.000 đồng. Trong đó: Tiền nợ gốc đã trả: 6.983.174 đồng và lãi đã trả: 20.590.826 đồng. Kể từ ngày 02/06/2020 cho đến nay ông Nguyễn Phú H không thanh toán thêm bất cứ khoản nào cho Công ty mặc dù Công ty đã nhiều lần nhắc nhở, yêu cầu thanh toán.

Nay Công ty T yêu cầu ông Nguyễn Phú H thanh lý hợp đồng, trả một lần toàn bộ số tiền nợ là 93.428.222 đồng (*Chín mươi ba triệu bốn trăm hai mươi tám nghìn hai trăm hai mươi hai đồng*) trong đó: Toàn bộ khoản nợ gốc: 56,316,826 đồng và nợ lãi: 37.111.396 đồng. Ngoài ra Công ty không có yêu cầu gì khác.

*Tại bản tự khai ngày 27/5/2022 và các lời khai tiếp theo tại phiên tòa bị đơn ông Nguyễn Phú H trình bày:*

Về khoản tiền vay, thời hạn vay và mục đích vay tiền theo như Công ty T đã trình bày là đúng, ông H thống nhất và không bổ sung gì. Về nghĩa vụ trả tiền thì sau khi nhận số tiền vay ông trả nợ gốc và lãi hàng tháng theo như cam kết trong hợp đồng đến ngày 01/6/2020. Sau đó vì tình hình dịch bệnh, làm ăn thua lỗ nên ông không tiếp tục thực hiện được nghĩa vụ trả tiền nợ gốc và lãi theo thỏa thuận. Nay Công ty T yêu cầu ông phải trả một lần toàn bộ số tiền nợ là 93.428.222 đồng, trong đó: nợ gốc 56,316,826 đồng và nợ lãi 37.111.396 đồng thì ông chấp nhận có nợ của Công ty T số tiền trên nhưng hiện nay do hoàn cảnh kinh tế khó khăn, ông H thất nghiệp và đang bị bệnh tim nên ông xin Công ty miễn số tiền lãi cho ông, về số nợ gốc 56.316.826 đồng ông cũng đề nghị công ty chia nhỏ khoản nợ gốc theo từng đợt để ông có khả năng trả nợ. Ngoài ra ông không có ý kiến gì thêm.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

- Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền: Căn cứ vào hợp đồng tín dụng số 220190424-0004792 giữa Công ty T với ông Nguyễn Phú H xác định quan hệ tranh chấp là tranh chấp hợp đồng vay tài sản theo Điều 463 Bộ luật Dân sự, đây là tranh chấp dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo khoản 2 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự; Bị đơn ông Nguyễn Phú H có nơi cư trú tại Thôn N, xã Điện P, thị xã Điện Bàn, tỉnh Quảng Nam, vì vậy vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã Điện Bàn theo quy định tại Điểm a Khoản 1 Điều 35; Điểm b Khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

Ngày 24/4/2019, ông Nguyễn Phú H có ký Hợp đồng tín dụng số 220190424-0004792 7695230 với Công ty T vay số tiền 63.300.000 đồng, lãi suất vay 3,92%/tháng, thanh toán trong vòng 36 tháng gồm tiền gốc, lãi tổng cộng 121.002.222 đồng. Đây là sự thỏa thuận tự nguyện của các đương sự và là hợp đồng hợp pháp, được pháp luật công nhận. Theo thỏa thuận tại hợp đồng, ông Nguyễn Phú H có trách nhiệm thanh toán tiền nợ gốc và nợ lãi định kỳ vào ngày 01 hàng tháng, bắt đầu từ

ngày 01/6/2019. Tuy nhiên, đến ngày 02/6/2020 ông đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ gốc và lãi hàng tháng cho Công ty. Vì vậy, Công ty T yêu cầu buộc ông Nguyễn Phú H phải trả toàn bộ số tiền nợ là 93.428.222 đồng, trong đó: nợ gốc 56,316,826 đồng và nợ lãi 37.111.396 đồng là có căn cứ, đúng pháp luật.

Ông Nguyễn Phú H thừa nhận có nợ của Công ty T số tiền vay cả gốc và lãi như Công ty yêu cầu thanh toán. Việc bị đơn thừa nhận số nợ mà bên nguyên đơn đưa ra để yêu cầu trả nợ thì đây là tình tiết, sự kiện không phải chứng minh. Do đó, có căn cứ xác định ông Nguyễn Phú H còn nợ của Công ty số tiền nợ gốc và lãi tổng cộng là 93.428.222 đồng nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn ông Nguyễn Phú H phải trả cho nguyên đơn số tiền nợ là 93.428.222 đồng, trong đó: nợ gốc 56,316,826 đồng và nợ lãi 37.111.396 đồng

Đối với việc ông Nguyễn Phú H có đề nghị nguyên đơn cho ông trả số nợ gốc làm nhiều đợt nhưng nguyên đơn không chấp nhận mà yêu cầu thanh toán gốc và lãi một lần. Hội đồng xét xử xét thấy việc các bên ký hợp đồng vay đã có thỏa thuận về thời hạn hạn vay và số tiền lãi phát sinh, đây là sự thỏa thuận tự nguyện đúng quy định pháp luật, nay thời hạn hợp đồng đã hết, vì vậy không có căn cứ chấp nhận ý kiến của ông Nguyễn Phú H.

[3] Về án phí: Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu án phí DSST theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào khoản 2 Điều 26, Điểm a Khoản 1 Điều 35; Điểm b Khoản 1 Điều 39, Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự ; khoản 2 Điều 91 của Luật các tổ chức tín dụng năm 2010 và Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Luật các tổ chức tín dụng năm 2017; Điều 463, 466, 468 Bộ luật Dân sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty T đối với ông Nguyễn Phú H về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”.

2. Buộc ông Nguyễn Phú H phải có nghĩa vụ thanh toán cho Công ty T số tiền nợ vay tổng cộng là: 93.428.222 đồng (chín mươi ba triệu bốn trăm hai mươi tám nghìn hai trăm hai mươi hai đồng) trong đó: nợ gốc 56.316.826 đồng và nợ lãi 37.111.396 đồng

Kể từ ngày quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành xong án, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015

3. Về án phí: Ông Nguyễn Phú H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 4.671.000 đồng (Bốn triệu sáu trăm bảy mươi một nghìn đồng), Công ty T không phải chịu án

phí và được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 2.335.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0001001, ngày 20/4/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Điện Bàn.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

4. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

**Nơi nhận**

- TAND tỉnh Quảng Nam
- Các cơ quan tiến hành tố tụng
- Những người tham gia tố tụng
- Lưu hồ sơ, án văn
- Thi hành án

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
**Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa**

**Trịnh Thị Thúy Vân**